

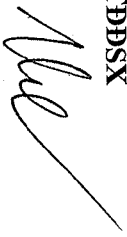
LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	TD2	7:25	22	0		20	0	
2	846	PPD	7:25	22	0		18	0	
3	424	PPD+RP2	7:25	6+15	0+0		1+18	0+0	
4	410	P4+PPD	9:25	15+7	0+0		9+0	0+0	
5	846	RP3+PPD	9:25	15+7	0+0		14+0	0+0	

TPDBSX





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2018	TO: TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH HAI	TD2	10	1	6	21	75	KHOAN	Vietnamese
2	ZHIGALO V.A	TD2	05	1	10		115	KHOAN	Russian
3	QUACH VAN TOI	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
4	LY ANH TUAN	TD2	03	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN BAC	TD2				100	80	KHOAN	Vietnamese
6	CAO DINH THANH	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
7	ĐANG VAN ĐÀO	TD2	06	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGOC ĐO	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	07	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG DINH THANG	TD2	25	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH QUANG HUY	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
12	LE TRUONG LAM	TD2	01	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUANG HUNG	TD2	09	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY KHIEM	TD2	12	1	9		70	D-HANH	Vietnamese
15	NHAM ĐỨC TUAN	TD2	17-18	2	10		71	DVL	Vietnamese
16	LƯU DINH TRONG	TD2	16	1	8		80	DVL	Vietnamese
17	ĐANG QUỐC ĐẠT	TD2	15	1	15		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VU QUỐC	TD2	14	1	10		65	DVL	Vietnamese
19	VU THANH DUONG	TD2	13	1	7		78	DVL	Vietnamese
20	ĐOAN VAN LAN	TD2	02	1	4		71	GETRACO	Vietnamese
21	TRAN VAN CHINH	TD2	04	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
22	ĐẬU VĂN XUÂN	TD2	08	1	3		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	18	117	1.592	121	20		
TOTAL		22	18	117	1.592	121	20		
WEIGHT KG				117	1.592	121			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Feb-18	TO: PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - PTUẤN	ETA: 09:15
Cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN HUNG	PPD	22	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	26	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐOÀN HUƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ HIỆN THANH	PPD	31-32	2	10		53	KH-THAC	Vietnamese
5	LÂM QUANG NAM	PPD	33	1	5		76	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	28	1	7	51	71	KHI	Vietnamese
7	XAPITONOV IOC	PPD	27	1	5		73	KHI	Russian
8	BERNHIKOV V.N	PPD	29	1	7		109	KHI	Russian
9	ĐINH THẾ QUẢN	PPD	40	1	6		67	KHI	Vietnamese
10	BUI THANH HAI	PPD	34	1	5		60	KHI	Vietnamese
11	VÔ TẠ QUANG	PPD	35	1	2		72	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	39	1	5		80	KHI	Vietnamese
13	VÔ ĐÓN LONG	PPD	36	1	9		69	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HẠO	PPD	23	1	4		76	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HÀ NIN	PPD	44	1	8		73	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	43	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN MỪNG	PPD	41	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HUY	PPD	42	1	3		58	KHI	Vietnamese
20	LÊ MINH PHỤNG	PPD					80	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	24	1	2		65	KHI	Vietnamese
22	TRẦN SƠN HẢI	PPD	30	1	5		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	111	1.586	51	18		
	TOTAL	22	21	111	1.586	51	18		
	WEIGHT KG			111	1.586	51			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2018	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: PHÚ - L Hải - THẢO - D Sơn	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH NAM	PPD	06-07	2	12		60	KHI	Vietnamese
2	LUONG MANH DUONG	PPD	08	1	8		64	KHI	Vietnamese
3	DOAN DUY HUNG	PPD	12	1	5		85	KHI	Vietnamese
4	BUI ĐANG TIEN	PPD	10	1	13		68	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG NAM	PPD	11	1	9		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG ĐAI NGHIA	PPD	09	1	10		75	KHI	Vietnamese
7	DUONG ĐIỆP PHI	RP2					75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN BA LUONG	RP2					62	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM ĐINH LO	RP2	97	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MANH TINH	RP2	39	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG THUY	RP2					68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN HOA	RP2	43	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BINH	RP2	42	1	3	94	68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	RP2	38	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN VAN THANH	RP2	40	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN PHI HUNG	RP2	96	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUAN TUYEN	RP2	41	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
18	VU ĐỨC THANH	RP2	44	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
19	HUYNH TRUNG NGHIA	RP2	37	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MEN ***	RP2	45-46	2	11		72	KHOAN	Vietnamese
21	DO NGOC DUYEN	RP2	95	1	13		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	7	57	420	0	1		01 noi bo: Nguyen Quyen
2	RP2	15	13	77	1.048	94	18		
TOTAL		21	20	134	1.468	94	19		
WEIGHT KG				134	1.468	94			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Feb-18	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - NNam	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUOC VIET	P4	20	1	2		58	KHI	Vietnamese
2	SUDAKOV A.A	P4	23	1	10		118	KHI	Russian
3	PHAM VAN QUYEN	P4	21	1	10		75	KHI	Vietnamese
4	LE VAN HUONG	P4	14	1	3		69	KHI	Vietnamese
5	TRAN DUY KHUONG	P4	19	1	3		83	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CU	P4	13	1	6		74	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN CHIEN CONG	P4	15	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	BUI HUU LAN	P4	17	1	5		73	KHI	Vietnamese
9	HOANG THAI DUONG	P4					68	KHI	Vietnamese
10	HOANG HUY TIEN	P4	25	1	4		57	KHI	Vietnamese
11	LE NGOC KY	P4	18	1	5		71	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	24	1	6	35	68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHANH	P4	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO SY KHOA	P4	16	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VAN TUNG	PPD	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	LE DINH THAO	PPD	46-47	2	10		72	KHI	Vietnamese
17	PHAM DINH THAI	PPD	59	1	10		62	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SANG	PPD	57-58	2	10		65	KHI	Vietnamese
19	LE VAN TINH	PPD	55-56	2	12	85	56	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HIEU	PPD	53-54	2	13		63	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG TUAN	PPD					65	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	13	70	1.028	35	9		
2	PPD	7	10	60	458	85	0		
TOTAL		21	23	130	1.486	120	9		
WEIGHT KG				130	1.486	120			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2018	TO: RP3 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - PTUẤN	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3					68	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					65	KHI	Vietnamese
3	TU NGỌC HAI	RP3	07	1	6		75	KHI	Vietnamese
4	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	11	1	3		63	KHI	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	12	1	6		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	05	1	6		73	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					90	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	10	1	6		60	KHI	Vietnamese
9	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	09	1	8		81	KHI	Vietnamese
10	LAM TIẾN PHI	RP3	08	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	13	1	2	30	70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	06	1	6		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	04	1	4		62	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRI CHUNG	RP3	01	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
15	ARKHIPOV	RP3	02-03	2	19		100	ANTOAN	Russian
16	TẠ HỮU TRI	PPD	01-02	2	13		60	KHI	Vietnamese
17	ĐINH VĂN THỨC	PPD	98-99	2	19		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN THỪA THAI	PPD	04	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
19	BUI ĐỨC HẬU	PPD	03	1	10		56	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM HUYNH CƯỜNG	PPD	96-97	2	18		78	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN HIỆP THÀNH	PPD	95	1	8	50	85	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	13	74	1.067	30	14		
2	PPD	6	9	78	399	50	0		
TOTAL		21	22	152	1.466	80	14		
WEIGHT KG				152	1.466	80			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+T.LUNG	7:25	3+13	0+0		0+13	0+0	
2		RP2+RC4	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
3		RP3+RP2+TD3	7:25	6+2+14	0+0+0		0+0+21	0+0+0	
4		TD5+RP3	7:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
5		RC3+RP1	7:25	12+10	0+0		6+11	0+0	
6		CTK3+RC6	9:25	14+8	0+0		11+5	0+0	
7		CNV+P2+TD5	9:25	1+20+1	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
8		RP3	9:25	22	0		22	0	
9		RP2+ RC4	9:25	22	0		22	0	
10		PPD + <i>CV0</i>	11:25	20	0		13	0	
11		RP1	11:25	22	0		20	0	
12		RC5+RCDM	11:25	17+5	0+0		7+5	0+0	

TTBDSX





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: P11 - BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thủy - CÔNG	ETA: 10:50
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUAN TAM	P11	94	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUY TAI	P11	91	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN CHI HIEU	P11	92-93	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM MINH TUAN	BK THIE	62	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM GIAP TRI	BK THIE	61	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TAM	BK THIE	69	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG VAN THONG	BK THIE	57	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
8	HO DINH HUY	BK THIE	68	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	BK THIE	60	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NAM SINH	BK THIE	58	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUY DU	BK THIE	63	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
12	TANG MANH HA	BK THIE	67	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HONG QUANG	BK THIE	66	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LE ANH TUAN	BK THIE	65	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VIET TUNG	BK THIE	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN NGOC THUONG	BK THIE	59	1	15	60	73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	3	4	32	204	0	0		
2	BK THIEN UNG	13	13	70	926	60	13		
TOTAL		16	17	102	1.130	60	13		
WEIGHT KG				102	1.130	60			

GRAND TOAL: 1.292 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: RP2 - RC4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DKHANH	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN BAN	RP2	89	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
2	GARIBEKOV M . K	RP2	87	1	5	40	100	KH-THAC	Russian
3	TRAN THIEN THANH	RP2	88	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CUONG	RP2	91	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	HO DUC LONG	RP2	76	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUANG LOI	RP2	86	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH LUAN	RP2	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VAN QUAN	RP2	77-78	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THAO	RP2	92	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VU QUYEN	RP2	90	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN THANH	RP2	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC VINH	RP2	89	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	600	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAO VAN TUAN	RP2	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH DUY	RP2	80-81	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG THANH TUAN	RP2	84-85	2	17		72	TECMACH	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TAI	RP2	82-83	2	12		70	TECMACH	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG MINH	RC4	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TI	RC4					65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VAN CONG	RC4	97	1	5	45	78	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU TIEN BINH	RC4	27-28	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN TUONG	RC4	20	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	21	123	1,161	40	17		
2	RC4	5	5	23	331	45	5		
TOTAL		22	26	146	1.492	85	22		
WEIGHT KG				146	1.492	85			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Feb-18	TO: RP3 - RP2 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Luy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	23-24	2	9		85	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN NGO	RP3	20-21	2	6		56	YTE	Vietnamese
3	ĐO QUANG HUNG *TT	RP3	17-18	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN SƠN	RP3	25	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ANH * CĐ	RP3	19	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH DƯƠNG *TT	RP3	22	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	RP2	03	1	8	20	65	TECMACH	Vietnamese
8	TẠ NGỌC AN	RP2	01-02	2	11	45	60	TECMACH	Vietnamese
9	OLEINIK	TD3	300	1	5	20	73	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	91	1	5	20	79	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU THỌ	TD3	96	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGO ĐÌNH HUNG THAI	TD3	99	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM HUNG DƯƠNG	TD3	95	1	4		94	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	94	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH AI HỮU	TD3	92	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ HUNG ANH	TD3	98	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN THĂNG LỢI	TD3					63	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ LONG PHI	TD3	93	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	97	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ ANH TRỌNG	TD3	30	1	12		65	DVL	Vietnamese
21	TRẦN VĂN DŨNG	TD3	90	1	9		79	DVL	Vietnamese
22	VŨ HỮU TÂN	TD3					80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	9	38	407	0	0		
2	RP2	2	3	19	125	65	0		
3	TD3	14	12	63	1.054	40	21		
TOTAL		22	24	120	1.586	105	21		
WEIGHT KG				120	1.586	105			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: TD5 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - DTùng - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN DUNG	TD5					87	KHOAN	Vietnamese
2	UVAISHOV A.X	TD5					95	KHOAN	Russian
3	LE VIET THANG	TD5	61	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	60	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VAN SU	TD5	64	1	3	40	80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	TD5	65	1	3	69	68	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM QUANG NGU	TD5	63	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	71	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	VI HUNG CUONG	TD5	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	TD5	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LỘC	TD5	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HIEU	TD5	66-67	2	18		85	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRỌNG VU	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	16	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DOAN THANH *CĐ	RP3	18	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VAN LY	RP3	23	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG THE DUNG	RP3	22	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU THE ANH	RP3	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG XUAN HUNG	RP3	20	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TU THANG *CĐ	RP3	17	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VAN HOA	RP3	19	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	11	57	930	109	9		
2	RP3	10	8	34	705	0	13		
TOTAL		22	19	91	1.635	109	22		
WEIGHT KG				91	1.635	109			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: RC3 - RP1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHàI - THẢO - ĐSon	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	RC3	600	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ TUẤN ANH	RC3	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN VIỆT	RC3	29	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤN HỒNG	RC3	99	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG AN	RC3	30	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM MẠNH HAI	RC3	33	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG TRỌNG PHÚC	RC3	44	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI CÔNG THANH	RC3	41	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH HÙNG	RC3	42-43	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ XUÂN THANH	RC3	34-35	2	15	40	77	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯU VĂN LAM	RC3				50	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM SƠN	RC3	32	1	7		80	GETRACO	Vietnamese
13	MAMEDOV	RP1	06	1	5		75	KH-THAC	Russian
14	KAZAKOV	RP1	04	1	6		82	KH-THAC	Russian
15	ZELENSKY	RP1	05	1	10		84	KH-THAC	Russian
16	VUÔNG VĂN THÔNG	RP1	01-03	3	12		61	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG KHANG	RP1	07	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	11	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH HIỆU	RP1	08	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ QUY HOÀNG	RP1	10	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	12	13	95	841	90	6		
2	RP1	10	11	59	717	0	14		
TOTAL		22	24	154	1.558	90	20		
WEIGHT KG				154	1.558	90			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: CTK3 - RC6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DKHANH	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	CTK3	16-17	2	15		80	KH-THAC	Malaysian
2	LE MANH HUNG	CTK3	04	1	7		78	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU VIET	CTK3	13	1	4		60	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MINH PHUNG	CTK3	01	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY TIET	CTK3	06	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	MAI CAO DINH	CTK3	03	1	5	40	54	PSV	Vietnamese
7	LE VIET HUNG	CTK3	05	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	VU NGOC HUNG	CTK3	09	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	LE CONG VAN	CTK3	12	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	HOANG MINH TIEN	CTK3	08	1	5		63	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN DANG TUNG	CTK3	11	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TIEN	CTK3	07	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	TRAN VAN HUU	CTK3	10	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	PHAM MINH DUC	CTK3	02	1	3		85	PSV	Vietnamese
15	TRAN MINH THI	RC6	38	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN TUNG	RC6	35	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TRUNG	RC6	36	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN TRUONG	RC6	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM XUAN TRUONG	RC6	37	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE VU	RC6	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LE DINH THANG	RC6	34	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU MINH QUYET	RC6	33	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	15	79	927	40	11		
2	RC6	8	8	45	544	50	5		
TOTAL		22	23	124	1.471	90	16		
WEIGHT KG				124	1.471	90			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2018	TO: CNV - P2 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYED SALLEH BIN SYED SALIM ALH	CNV	96-98	3	19	11	75	KH-THAC	Singapore
2	TRAN VAN TAN	P2	72-73	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
3	FESENKO	P2	40	1	5		65	D-HANH	Russian
4	NGUYEN QUOC HUNG	P2	47	1	10	36	60	D-HANH	Vietnamese
5	LA TUAN LINH	P2	45-46	2	14		69	D-HANH	Vietnamese
6	NGO TRUNG KIEN	P2	43-44	2	13		68	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN DUY HAO	P2	39	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VIET DUNG	P2	34	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LE NGOC TUAN	P2	24	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN BA SON	P2	26-27	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN LAC	P2	25	1	17		90	XAYLAP	Vietnamese
12	VO TIEN PHAT	P2	35-36	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG ANH THAN	P2	21-22	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN BINH	P2	37-38	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VAN THANG	P2	31-32	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN HOAN	P2	28	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM NGOC HOA	P2	41-42	2	12		63	XAYLAP	Vietnamese
18	LE CONG THOI	P2	30	1	17		57	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC QUANG	P2	29	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VAN HOA	P2	23	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HA	P2	33	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
22	TA HOAI TRANG	TD5	66	1	8		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	1	3	19	75	11	0		
2	P2	20	29	281	1.319	36	0		
3	TD5	1	1	8	74	0	20		
TOTAL		22	33	308	1.468	47	20		
WEIGHT KG				308	1.468	47			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - DTùng - Năm	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC HUY	RP3	27	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	33	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	36-37	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU ĐỨC MUI	RP3	32	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG QUANG THƯƠNG *CĐ	RP3	39	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TƯ HAI *CĐ	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KHIÊM HIỆU	RP3	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	26	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	42	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	34	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	41	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN HIEN *CĐ	RP3	40	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH CHIẾN	RP3	31	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN QUANG	RP3	44	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH ĐẠT	RP3	29	1	4		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SƠN	RP3	28	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	RP3	24	1	3		52	PSV	Vietnamese
19	TRẦN BA MẬU	RP3	38	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN	RP3	30	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	LÊ THANH HAI	RP3	25	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	TÀ PHI KHÁNH	RP3	43	1	3		72	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	21	100	1.483	0	22		
TOTAL		22	21	100	1.483	0	22		
WEIGHT KG				100	1.483	0			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Feb-18	TO: RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHàI - THẢO - DSON	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HAU	RP2	14-15	2	18		62	TECMACH	Vietnamese
2	NGUYEN DUC THANG	RP2	12-13	2	12		65	TECMACH	Vietnamese
3	VU ANH TUNG	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG ĐINH YEN	RP2	09	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG XUAN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DAT	RP2	18	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HOANG	RP2	16	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET HUNG	RP2	19	1	11		91	KH-THAC	Vietnamese
9	TANG VAN DUC	RP2	17	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN THANH TUAN	RP2	11	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HONG QUANG	RP2	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANGLUYEN	RP2					58	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DUY QUYEN	RP2	21	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THANH BINH	RP2	10	1	10		85	ANTOAN	Vietnamese
15	ĐINH QUOC TRUONG	RP2	26	1	10		80	GETRACO	Vietnamese
16	TRAN VAN VIET B	RP2	23	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
17	TRAN CAO MONG	RP2	27	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
18	ĐINH VAN GIANG	RP2	25	1	5		72	GETRACO	Vietnamese
19	PHAM ANH TU	RP2	24	1	4		72	GETRACO	Vietnamese
20	CAO DUY LUNG	RP2	29	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
21	TRAN VIET HOAI	RP2	22	1	4		57	GETRACO	Vietnamese
22	VU VIET SON	RP2	28	1	5		58	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	21	121	1.465	0	15		
TOTAL		22	21	121	1.465	0	15		
WEIGHT KG				121	1.465	0			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: PPD - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - DKHÁNH	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH THANG	PPD	73	1	5	90	59	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN CAM	PPD	76-77	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN ANH HIEU	PPD	80	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN ĐANG NGUYEN	PPD	67	1	3		80	PSV	Vietnamese
5	TRAN MINH THUAN	PPD	64	1	4		71	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	PPD					60	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC LINH	PPD	68	1	2		67	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SA	PPD	69	1	4		65	PSV	Vietnamese
9	PHAM XUAN HUNG	PPD	65	1	3		75	PSV	Vietnamese
10	THIEU VAN SU	PPD					60	PSV	Vietnamese
11	LE TIEN LOI	PPD	70	1	2		72	PSV	Vietnamese
12	HOANG VAN DOANH	PPD	75	1	2		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN ĐUC HIEP	PPD	66	1	4		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN TEO	PPD	71	1	4		52	PSV	Vietnamese
15	HOANG XUAN ĐONG	PPD	74	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN ĐUC	PPD	72	1	5		61	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KHAI	PPD	79	1	9		52	PVGAS	Vietnamese
18	CAO VAN HIEN	PPD	78	1	5	20	61	PVGAS	Vietnamese
19	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	63	1	5		69	PVGAS	Vietnamese
20	DOAN MANH TOAN	PPD	81	1	5		80	XN-KHI	Vietnamese
21	TRAN VIET HO	CLO	28	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	19	85	1.316	110	13		
2	CLO	1	1	15	70	0	0		
TOTAL		21	20	100	1.386	110	13		
WEIGHT KG				100	1.386	110			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - TUYẾN - Luy	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TAM	RP1	46	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TAO QUANG NGAN	RP1					64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CONG TOAN	RP1					90	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH HOAN	RP1	44	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TUONG ANH CAC	RP1					67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC HONG	RP1	43	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG LOC	RP1	48	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG DINH BA	RP1	47	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC PHONG	RP1	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HUNG CUONG	RP1					80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THUY	RP1	45	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	LE MANH HUNG	RP1	50	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH CONG	RP1					56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	55	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA QUY	RP1	54	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TUAN	RP1	51	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC HOAN	RP1	52	1	6		65	PSV	Vietnamese
18	HA QUOC VINH	RP1	53	1	7		65	PSV	Vietnamese
19	DAU CONG SAU	RP1	56	1	7		78	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HAI	RP1					57	PSV	Vietnamese
21	LE VAN QUY	RP1	57	1	5		68	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HUAN	RP1	58	1	3	90	68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	16	86	1.548	90	20		
	TOTAL	22	16	86	1.548	90	20		
	WEIGHT KG			86	1.548	90			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2018	TO: RC5 - RCDM	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vậ - MTHAO - Năm	ETA: 13:20
Cam - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV	RC5	66-67	2	12		90	KH-THAC	Russian
2	TRẦN NAM THĂNG	RC5	68	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN NINH	RC5				40	80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CỤC	RC5	62	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LINH	RC5	58	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC5	57	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH QUANG	RC5	55-56	2	15		76	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TÙNG	RC5	71-72	2	18		71	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ THANH HIỆU	RC5	70	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐAM	RC5	64	1	5		72	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	RC5	59	1	14		65	DVL	Vietnamese
12	VÔ CHI THÀNH	RC5	69	1	10		75	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	RC5	54	1	12		70	DVL	Vietnamese
14	PHAN THIÊN SƠN	RC5	60-61	2	17		64	DVL	Vietnamese
15	TANG TIÊN TOÀN	RC5	65	1	10		85	DVL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	63	1	10		70	PSV	Vietnamese
17	LÊ CHI CƯỜNG	RC5	53	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	RCDM	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO ĐẮC TOÀN	RCDM	44	1	6	60	58	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI QUỐC VIỆT	RCDM	43	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	45	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	40-41	2	15		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	17	20	174	1.262	40	7		
2	RCDM	5	6	33	351	60	5		
TOTAL		22	26	207	1.613	100	12		
WEIGHT KG				207	1.613	100			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN